

**Nội dung điều chỉnh thông tin lãi suất áp dụng đối với các trái phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Masan**  
 (Đính kèm Công văn số 1196/VSD-ĐK.NV ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam)



STT	Mã trái phiếu	Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và Công văn thông báo của VSD	Nội dung đã thông báo trên Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và Công văn thông báo của VSD	Nội dung điều chỉnh
1	MSN120007	- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 44/2021/GCNTP-VSD ngày 17/11/2021 - Công văn số 11385/VSD-ĐK.NV ngày 17/11/2021	- Lãi suất: + Lãi suất cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên: Cố định 9,8%/năm; và + Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại: Thả nổi bằng tổng của 3,8%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó	- Lãi suất: + Đối với giai đoạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành “Năm tính lãi thứ nhất”: Lãi suất cố định 9,8%/năm; và + Đối với mỗi giai đoạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tính lãi thứ nhất cho đến ngày đáo hạn: Lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,8%/năm và lãi suất tham chiếu
2	MSN120008	- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 45/2021/GCNTP-VSD ngày 16/11/2021 - Công văn số 11343/VSD-ĐK.NV ngày 16/11/2021	- Lãi suất: + Lãi suất cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên: Cố định 9,9%/năm; và + Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại: Thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó	- Lãi suất: + Đối với giai đoạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành “Năm tính lãi thứ nhất”: Lãi suất cố định 9,9%/năm; và + Đối với mỗi giai đoạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tính lãi thứ nhất cho đến ngày đáo hạn: Lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và lãi suất tham chiếu

3	MSN120009	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 46/2021/GCNTP-VSD ngày 16/11/2021</p> <p>- Công văn số 11345/VSD-ĐK.NV ngày 16/11/2021</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Lãi suất cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên: Cố định 10,0%/năm; và</p> <p>+ Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại: Thả nổi bằng tổng của 4,0%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Đối với giai đoạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành “Năm tính lãi thứ nhất”: Lãi suất cố định 10,0%/năm; và</p> <p>+ Đối với mỗi giai đoạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tính lãi thứ nhất cho đến ngày đáo hạn: Lãi suất thả nổi bằng tổng của 4,0%/năm và lãi suất tham chiếu</p>
4	MSN120010	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2021/GCNTP-VSD ngày 17/11/2021</p> <p>- Công văn số 11387/VSD-ĐK.NV ngày 17/11/2021</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Lãi suất cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên: Cố định 9,8%/năm; và</p> <p>+ Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại: Thả nổi bằng tổng của 3,8%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Đối với giai đoạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành “Năm tính lãi thứ nhất”: Lãi suất cố định 9,8%/năm; và</p> <p>+ Đối với mỗi giai đoạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tính lãi thứ nhất cho đến ngày đáo hạn: Lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,8%/năm và lãi suất tham chiếu</p>
5	MSN120011	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 41/2021/GCNTP-VSD ngày 14/10/2021</p> <p>- Công văn số 10240/VSD-ĐK.NV ngày 14/10/2021</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Lãi suất cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên: Cố định 9,9%/năm; và</p> <p>+ Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại: Thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Đối với giai đoạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành “Năm tính lãi thứ nhất”: Lãi suất cố định 9,9%/năm; và</p> <p>+ Đối với mỗi giai đoạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tính lãi thứ nhất cho đến ngày đáo hạn: Lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và lãi suất tham chiếu</p>

6	MSN120012	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 40/2021/GCNTP-VSD ngày 14/10/2021</p> <p>- Công văn số 10238/VSD-ĐK.NV ngày 14/10/2021</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Lãi suất cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên: Cố định 10,0%/năm; và</p> <p>+ Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại: Thả nổi bằng tổng của 4,0%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Đối với giai đoạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành “Năm tính lãi thứ nhất”: Lãi suất cố định 10,0%/năm; và</p> <p>+ Đối với mỗi giai đoạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tính lãi thứ nhất cho đến ngày đáo hạn: Lãi suất thả nổi bằng tổng của 4,0%/năm và lãi suất tham chiếu</p>
7	MSN121013	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 37/2021/GCNTP-VSD ngày 13/10/2021</p> <p>- Công văn số 10169/VSD-ĐK.NV ngày 13/10/2021</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Lãi suất cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên: Cố định 9,8%/năm; và</p> <p>+ Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại: Thả nổi bằng tổng của 3,8%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Đối với giai đoạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành “Năm tính lãi thứ nhất”: Lãi suất cố định 9,8%/năm; và</p> <p>+ Đối với mỗi giai đoạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tính lãi thứ nhất cho đến ngày đáo hạn: Lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,8%/năm và lãi suất tham chiếu</p>
8	MSN121014	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 38/2021/GCNTP-VSD ngày 13/10/2021</p> <p>- Công văn số 10165/VSD-ĐK.NV ngày 13/10/2021</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Lãi suất cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên: Cố định 9,9%/năm; và</p> <p>+ Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi còn lại: Thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó</p>	<p>- Lãi suất:</p> <p>+ Đối với giai đoạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành “Năm tính lãi thứ nhất”: Lãi suất cố định 9,9%/năm; và</p> <p>+ Đối với mỗi giai đoạn 06 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tính lãi thứ nhất cho đến ngày đáo hạn: Lãi suất thả nổi bằng tổng của 3,9%/năm và lãi suất tham chiếu</p>

